

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2021

Về việc “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phụng và bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 30/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lê Văn H – Sinh năm: 1097;

Nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. *Có mặt.*

Bị đơn: bà Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1974

Nơi cư trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. *Vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Phú Yên vào năm 1996.

Sau khi kết hôn, ông H, bà T sống hạnh phúc với nhau đến khoảng tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà T không thành thật, chuyện tiền bạc không rõ ràng dẫn đến nợ nần, vợ chồng không còn tình cảm, từ tháng 5/2021 đến nay cả hai không còn sống chung. Nay ông H nhận thấy tình cảm đã hết, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên xin được ly hôn bà T.

- Về con chung: Ông H, bà T có 02 con chung Lê Thị Ngọc H1 – Sinh năm: 1996 và Lê Minh H2 – Sinh năm: 2002 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bà T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân đúng như ông H trình bày, tuy nhiên dù trong cuộc sống vợ chồng có bất đồng quan điểm, mạnh ai nấy sống từ tháng 5/2021 đến nay. Nhưng bà T còn tình cảm, thấy mâu thuẫn có thể hàn gắn nên không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ để tiếp tục chung sống.

Về con chung, tài sản chung: Thống nhất như ông H đã khai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, áp dụng các điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông H, bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thị xã (nay là thành phố) Tuy Hoà nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông H, bà T có mâu thuẫn do vấn đề kinh tế, mâu thuẫn kéo dài nhưng hai bên không thể giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án bà T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, mong muốn đoàn tụ để tiếp tục chung sống nhưng không đưa ra được biện pháp cụ thể, tại bản tự khai ngày 21/10/2021, bà T mong muốn để hai bên vợ chồng đoàn tụ trong thời hạn 01 tháng nếu sau ngày 21/11/2021 cả hai không thể đoàn tụ thì chấp nhận ly hôn ông H. Từ ngày 21/11/2021 đến nay, bà T không đến Toà án để tiếp tục hoà giải đoàn tụ, trong khi đó ông H kiên quyết yêu cầu Toà giải quyết ly hôn bà T. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông H, bà T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H: ông Lê Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Ông H, bà T có 02 con chung Lê Thị Ngọc H1 – Sinh năm: 1996 và Lê Minh H2 – Sinh năm: 2002 đều đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông H phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn H

- Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp tại PH2 thu số 0004051 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên nên đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- UBND phường N, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hồng

